TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/DS-ST
Ngày: 24-10-2019
"V/v tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Công

2. Bà Quang Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019, về "*Tranh chấp hụi"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 621/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1970; trú tại: Số nhà 362B/5, ấp T, xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Kim L, sinh năm 1967

2.2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961; cùng trú tại: Số nhà 64A/6, ấp Tân Thạnh, xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà L, ông S: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1977; trú tại: Số nhà 72/21, khóm L, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, là

người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 4 năm 2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thành Y, sinh năm 1995; trú tại: Số nhà 64A/6, ấp T, xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Tấn T có mặt tại phiên tòa. Anh Nguyễn Thành Y vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày :*

Bà Trần Kim L (tên thường gọi là Út M) và ông Nguyễn Văn S có tham gia hụi do chị Nguyễn Thị B làm chủ gồm 07 dây hụi tháng (trong đó 02 dây hụi loại 2.000.000đồng, 03 dây hụi loại 3.000.000đồng và 02 dây hụi loại 5.000.000đồng), mỗi dây tham gia một phần. Cụ thể:

1. Dây hụi khui lần đầu ngày 02/8/2016 ÂL, loại hụi 3.000.000đồng có 25 phần, hụi mãn ngày 02/7/2018 ÂL. Dây hụi này bà L, ông S đã hốt hụi lần khui đầu tiên, số tiền hốt được 52.800.000đồng (có giấy giao tiền hụi ký tên Út M và ghi tên Trần Kim M) và đã đóng hụi chết được 19 kỳ (tức đến ngày 02/02/2018 ÂL) thì ngưng đóng, còn nợ hụi chết 05 kỳ với số tiền là 15.000.000đồng.

2. Dây hụi khui lần đầu ngày 15/10/2016 ÂL, loại hụi 3.000.000đồng có 21 phần, hụi mãn ngày 15/5/2018 ÂL. Dây hụi này bà L, ông S đã hốt hụi lần khui thứ 2 ngày 15/11/2016 ÂL, số tiền hốt được 44.610.000đồng (có giấy giao tiền hụi ký tên Út M và ghi tên Trần Kim M) và đã đóng hụi chết được 15 kỳ (tức đến ngày 15/02/2018 ÂL) thì ngưng đóng, còn nợ hụi chết 04 kỳ với số tiền là 12.000.000đồng.

3. Dây hụi khui lần đầu ngày 12/02/2017 ÂL, loại hụi 5.000.000đồng có 22 phần, hụi mãn ngày 12/10/2018 ÂL. Dây hụi này bà L, ông S đã hốt hụi lần khui thứ 2 ngày 12/3/2017 ÂL, số tiền hốt được 80.000.000đồng (có giấy giao tiền hụi ký tên Út M và ghi tên Trần Kim M) và đã đóng hụi chết được 12 kỳ (tức đến ngày 12/02/2018 ÂL) thì ngưng đóng, còn nợ hụi chết 08 kỳ với số tiền là 40.000.000đồng.

4. Dây hụi khui lần đầu ngày 10/7/2017 ÂL, loại hụi 5.000.000đồng có 24 phần, hụi mãn ngày 10/6/2019 ÂL. Dây hụi này bà L, ông S đã hốt hụi lần khui đầu tiên ngày 10/7/2017 ÂL, số tiền hốt được 87.400.000đồng (có giấy giao tiền hụi ký tên Út M và ghi tên Trần Kim M) và đã đóng hụi chết được 07 kỳ (tức đến ngày

10/02/2018 ÂL) thì ngưng đóng, còn nợ hụi chết 16 kỳ. Tuy nhiên, chị B đã đóng choàng đến 10/02/2019 ÂL là 12 kỳ số tiền là 60.000.000đồng, 04 kỳ còn lại đến mãn hụi chị B không yêu cầu.

5. Dây hụi khui lần đầu ngày 25/9/2017 ÂL, loại hụi 2.000.000đồng có 22 phần, hụi mãn ngày 25/6/2019 ÂL. Dây hụi này bà L, ông S đã hốt hụi lần khui thứ 2 ngày 25/10/2017 ÂL, số tiền hốt được 32.000.000đồng (có giấy giao tiền hụi ký tên Út M và ghi tên Trần Kim M) và đã đóng hụi chết được 04 kỳ (tức đến ngày 25/02/2018 ÂL) thì ngưng đóng, còn nợ hụi chết 16 kỳ. Tuy nhiên, chị B đã đóng choàng đến 25/02/2019 ÂL là 12 kỳ số tiền là 24.000.000đồng, 04 kỳ còn lại đến mãn hụi chị B không yêu cầu.

6. Dây hụi khui lần đầu ngày 26/11/2017 ÂL, loại hụi 2.000.000đồng có 20 phần, hụi mãn ngày 26/6/2019 ÂL. Dây hụi này bà L, ông S đã hốt hụi lần khui đầu tiên ngày 26/11/2017 ÂL, số tiền hốt được 28.500.000đồng (có giấy giao tiền hụi ký tên Út M và ghi tên Trần Kim M) và đã đóng hụi chết được 02 kỳ (tức đến ngày 26/01/2018 ÂL) thì ngưng đóng, còn nợ hụi chết 17 kỳ. Tuy nhiên, chị B đã đóng choàng đến 26/01/2019AL là 12 kỳ số tiền là 24.000.000đồng, 03 kỳ còn lại đến mãn hụi chị B không yêu cầu.

7. Dây hụi khui lần đầu ngày 22/12/2017 ÂL, loại hụi 3.000.000đồng có 20 phần, hụi mãn ngày 22/7/2019 ÂL. Dây hụi này bà L, ông S đã hốt hụi lần khui thứ 2 ngày 22/01/2018 ÂL, số tiền hốt được 45.120.000đồng (có giấy giao tiền hụi ký tên Út M và ghi tên Trần Kim M) và sau đó thì ngưng đóng hụi chết, còn nợ hụi chết 18 kỳ. Tuy nhiên, chị B đã đóng choàng đến 22/01/2019 ÂL là 12 kỳ số tiền là 36.000.000đồng, 06 kỳ còn lại đến mãn hụi chị B không yêu cầu.

Tổng cộng 07 dây hụi bà L, ông S còn nợ hụi chết chưa đóng và chị B đã đóng choàng số tiền là 211.000.000đồng. Sau khi ngưng đóng hụi bà L có trả từ ngày 04/4/2018 đến ngày 07/10/2018 số tiền là 31.000.000đồng.

Nay chị Nguyễn Thị B yêu cầu bà Trần Kim L (Út M) và ông Nguyễn Văn S (chồng bà L) liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 180.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

** Bị đơn bà Trần Kim L và ông Nguyễn Văn S cùng ủy quyền cho anh Nguyễn Tấn T trình bày:*

Anh T xác định bà L, ông S hoàn toàn không có tham gia hụi do chị B làm chủ. Các giấy giao tiền hụi của chị B cung cấp ký tên Út M và ghi tên Trần Kim M là

không phải tên của bà L. Tờ trả giao nợ có ghi ngày trả đầu tiên ngày 04/4/2018 đúng là chữ ký của bà L nhưng đó là nợ vay trước đây chứ không phải nợ hụi và bà L đã trả tiền vay cho chị B xong.

Nay bà L, ông S không đồng ý trả số tiền 180.000.000đồng tiền hụi như chị B yêu cầu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Y:* Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến và không đến Tòa án để làm việc cũng như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13 tháng 9 năm 2019 cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

-Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Đại diện bị đơn là anh Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Y chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

Buộc bà Trần Kim L trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền hụi còn nợ là 180.000.000đồng.

* Kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Thành Y vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thành Y.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị B yêu cầu bà Trần Kim L (Út M) và ông Nguyễn Văn S (chồng bà L) liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 180.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về vấn đề xác định bà Trần Kim L và Út M (Trần Kim M) có phải là một người hay không thì thấy: Trên cơ sở 07 giấy giao tiền hụi của các dây hụi khui lần đầu tiên ngày 02/8/2016 ÂL; ngày 15/10/2016 ÂL; ngày 12/02/2017 ÂL; ngày 10/7/2017 ÂL; ngày 25/9/2017 ÂL; ngày 26/11/2017 ÂL; ngày 22/12/2017 ÂL có chữ ký tên Út M và ghi tên Trần Kim M và Tờ trả giao nợ ghi ngày trả đầu tiên ngày 04/4/2018 có ghi dòng chữ "*Trần Kim L (Út M) có nợ hụi B tổng cộng 269.000.000 đồng Hai trăm sáu mươi chín triệu*" phía bị đơn không thừa nhận là chữ ký và chữ viết trong các giấy tờ trên là của bà Trần Kim L nhưng không yêu cầu giám định, đồng thời xác định bà L không phải tên là Út M (Trần Kim M). Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ của chị Nguyễn Thị B cung cấp. Cụ thể: xác nhận của Công an xã Tân Phước ngày 07/5/2019 thì bà Trần Kim L, sinh năm 1967 (tên thường gọi là Út M); Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 64A/6, ấp Tân Thạnh, xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Những người làm chứng (người có tham gia các dây hụi theo giấy hụi có ghi tên Út M) như Nguyễn Thị Mỹ L1, Đào Thị U, Nguyễn Thị Kim H, Phương Phùng H… đều xác nhận bà Trần Kim L (tên gọi khác Út M) là vợ của ông S bán tạp hóa ở chợ Tân Phước. Từ những chứng cứ nêu trên xác định bà Trần Kim L chính là Út M (Trần Kim M) là thực tế.

[3] Căn cứ vào các giấy giao tiền hụi của các dây hụi khui lần đầu tiền ngày 02/8/2016 ÂL; ngày 15/10/2016 ÂL; ngày 12/02/2017 ÂL; ngày 10/7/2017 ÂL; ngày 25/9/2017 ÂL; ngày 26/11/2017 ÂL; ngày 22/12/2017 ÂL có chữ ký tên Út M và ghi tên Trần Kim M và Tờ trả giao nợ ghi ngày trả đầu tiên ngày 04/4/2018 có ghi dòng chữ " *Trần Kim L (Út M) có nợ hụi B tổng cộng 269.000.000 đồng Hai trăm sáu mươi chín triệu*", chị B xác định là chữ ký tên và chữ viết của bà Trần Kim L. Đại diện bị đơn không thừa nhận là chữ ký và chữ viết trong các giấy tờ trên là của bà Trần Kim L nhưng không yêu cầu giám định. Qua đó, chứng cứ chị B xuất trình là có căn cứ. Hơn nữa, lời khai của những người làm chứng theo danh sách hụi viên của 07 dây hụi mà chị B xác định có bà Trần Kim L (Út M) tham gia, họ đều xác nhận bà L (Út M) có tham gia hụi do chị B làm chủ. Điều dó chứng minh bà Trần Kim L có tham gia hụi do chị B làm chủ là sự thật.

[4] Xét yêu cầu của chị B yêu cầu bà Trần Kim L trả số tiền hụi còn nợ 180.000.000đồng thì thấy:

Đối chiếu các chứng cứ gồm 07 giấy giao tiền hụi; 07 danh sách hụi viên (trong đó thể hiện mốc thời gian bà L (Út M) đã hốt hụi và ngưng đóng hụi chết của 07 dây, cũng như lời khai của những người làm chứng (người có tham gia các dây hụi theo giấy hụi có ghi tên Út M) như Nguyễn Thị Mỹ L1, Đào Thị U, Nguyễn Thị Kim H, Phương Phùng H… đã thể hiện bà L ngưng đóng hụi chết của 07 dây hụi từ tháng 02/2018 ÂL. Vì vậy chị B xác định bà L còn nợ số tiền của 07 dây hụi tính từ tháng 02/2018 ÂL đến mãn của 07 dây hụi là 269.000.000đồng theo Tờ trả giao nợ ghi ngày trả đầu tiên ngày 04/4/2018, nhưng tính đến thời điểm khởi kiện thì số tiền còn nợ 211.000.000đồng, đồng thời từ ngày 04/4/2018 đến ngày 07/10/2018 bà L trả được 31.000.000đồng, còn nợ lại 180.000.000đồng là có căn cứ. Anh T người đại diện theo ủy quyền của bà L xác định số tiền 31.000.000 đồng bà L trả cho chị B thể hiện trên Tờ trả giao nợ nêu trên là thật nhưng số tiền trên là tiền bà L vay của bà B trước đây và trả đến thời gian trên là hết nợ nhưng không có chứng cứ chứng minh có giao dịch vay tiền với chị B. Đồng thời, mốc thời gian bà L trả số tiền trên là từ tháng 4/2018 phù hợp với thời gian bà L ngưng đóng hụi chết các dây hụi của chị B làm chủ từ tháng 02/2018 ÂL. Thế nên, lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở để xem xét.

Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"1. Họ, hụi,biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.

2……"

Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về nghĩa vụ của các thành viên tham gia họ.

"1. Thành viên trong họ không có lãi có các nghĩa vụ sau đây:

a) Góp phần họ theo thỏa thuận;

b) ……;

c)Tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh họ cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác;

d)……;

đ) ……

2. Thành viên trong họ có lãi có các nghĩa vụ sau đây:

a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh họ khi được lĩnh họ.

Trên cơ sở đánh giá chứng cứ và quy định của pháp luật nêu trên xác định bà L có tham gia hụi do chị B làm chủ; đã lĩnh hết các dây hụi nhưng vi phạm nghĩa vụ góp hụi cho các thành thành viên còn lại chưa lĩnh hụi, nên chị B là chủ hụi đã góp thay và trình bày bà L còn nợ 180.000.000đồng là có căn cứ. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B buộc bà L trả cho chị B số tiền hụi còn nợ là 180.000.000đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Đối với việc chị B yêu cầu ông Nguyễn Văn S liên đới cùng bà Trần Kim L trả số tiền hụi còn nợ thì thấy: Anh T người đại diện theo ủy quyền của bà L xác định số tiền 31.000.000đồng bà L trả cho chị B thể hiện trên Tờ trả giao nợ là tiền bà L vay của chị B trước đây để sử dụng vào việc đầu tư trồng cây ăn trái và số tiền trả cho chị B nêu trên là tiền chung của vợ chồng. Tuy nhiên, trên cơ sở chứng cứ đã chứng minh số tiền bà L trả cho chị B 31.000.000 đồng là xuất phát từ tiền hụi. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị B buộc ông Nguyễn Văn S liên đới cùng bà Trần Kim L trả số tiền hụi còn nợ 180.000.000 đồng.

[6] Anh Nguyễn Thành Y, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến về quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và không đến Tòa án để làm việc cũng như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13 tháng 9 năm 2019 cũng như tại phiên tòa hôm nay và không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 27 tháng 6 năm 2019 Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-ADBPKCTT nên duy trì để đảm bảo thi hành án.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị B, không buộc ông S liên đới cùng bà L trả nợ cho chị B là chưa đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của chị B theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quy định về nghĩa vụ chịu án phí: Do chấp nhận toàn bộ

yêu cầu của chị Nguyễn Thị B nên bà Trần Kim L và ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận. Bà Trần Kim L và ông Nguyễn Văn S trả cho chị B số tiền 180.000.000 đồng thì đây là vụ án tranh chấp dân sự có giá ngạch. Mức án phí bà L, ông S phải chịu theo quy định là: "*Từ 6.000.000đồng đến 400.000.000đồng thì mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp"*. Vì vậy, bà Trần Kim L và ông Nguyễn Văn S liên đới phải nộp 9.000.000 đồng *(chín triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên*;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị B.

Buộc bà Trần Kim L (tên thường gọi Út M) và ông Nguyễn Văn S liên đới trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền hụi còn nợ là 180.000.000đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*).

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-ADBPKCTT ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Kim L và ông Nguyễn Văn S liên đới phải nộp 9.000.000đồng *(chín triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.275.000 đồng (*năm triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*), theo biên lai số 0008596 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị B làm đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Kim L và ông Nguyễn Văn S chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho chị B thì hàng tháng bà L, ông S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/10/2019. Anh Nguyễn Thành Y vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Chi cục THA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hoàng